

VILAS 748

Số: 377 - 2021/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/11/2021

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 123B05/21
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/11/2021
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,92
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,39
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	18,19
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	15,43
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	6,80
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	194
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,80
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	5,40
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,83
16	Coliform (*)	CFU/ 100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli giả định (*)	CFU/ 100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



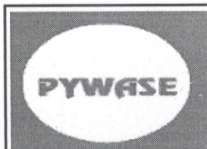
Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 378 - 2021/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/11/2021

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyên Xuân Bình - NMN Đông Bắc Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 123M₁05/21
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/11/2021
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,96
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,20
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	18,52
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	14,92
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOQ=4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	200
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,00
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,51
16	Coliform (*)	CFU/ 100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli giả định (*)	CFU/ 100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Phong

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

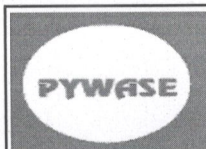
Nguyễn Tấn Thuận

- (*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên m

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 04

Ngày ban hành: 31/03/2020



VILAS 746

Số: 379 - 2021/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/11/2021

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối Tuyến Xuân Hải - NMN Đông Bắc Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 123M₂05/21
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/11/2021
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,93
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,24
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,40
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	18,86
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOQ=4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C:2017	1000	195
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	1,05
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,40
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,02
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,23
16	Coliform (*)	CFU/ 100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli giả định (*)	CFU/ 100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN
T. P. TUY HÒA - T. PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú:

- (*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Nguyễn Văn Phong

Trần Quang Vinh

Ban hành lần 04

Ngày ban hành: 31/03/2020